

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC LUẬN ĐIỀU XUYÊN TẠC CHO RẰNG VIỆT NAM “HIẾU CHIẾN”, “NỔ SÚNG TRƯỚC” TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

TS TRẦN TUẤN SƠN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

14-12-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

12-1-2026

Ngày duyệt đăng:

15-1-2026

Tóm tắt: Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động tung ra nhiều luận điệu xuyên tạc lịch sử, cho rằng cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam là “không chính đáng”, rằng Việt Nam “hiếu chiến”, “nổ súng trước”. Đây là những luận điệu sai trái, phi lịch sử, có mục tiêu chính trị nhằm phủ nhận bản chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bằng những cứ liệu lịch sử trong và ngoài nước, bài viết phản bác những luận điệu xuyên tạc và khẳng định sự thật: Việt Nam là dân tộc yêu chuộng hòa bình, không hiếu chiến, không chủ động nổ súng trước; thực dân Pháp là bên gây hấn, xâm lược. Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Việt Nam là chính nghĩa, vì nền độc lập, vì hòa bình, phù hợp với Hiến chương Liên Hợp quốc.

Từ khóa:

Kháng chiến chống thực dân Pháp; toàn quốc kháng chiến; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

1. Việt Nam lựa chọn đường lối hòa bình sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”: nạn đói, nạn dốt, thù trong giặc ngoài, lực lượng quân sự non yếu, nguy cơ tái xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp của nhiều lực lượng quốc tế. Trong hoàn cảnh đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định chủ trương cao nhất là giữ vững hòa bình, tránh xung

đột để củng cố chính quyền non trẻ. Ngay từ khi mới thành lập, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tuyên bố: “Đối với tất cả các nước trên thế giới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thiết tha mong muốn duy trì tình hữu nghị và thành thật hợp tác trên cơ sở bình đẳng và tương trợ để xây dựng hòa bình thế giới lâu dài”¹.

Khi cuộc kháng chiến đang diễn ra ở Nam Bộ, ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với J.Sainteny, Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Hà Nội

bản Hiệp định Sơ bộ với những nội dung chính: “Nước Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do (État Libre), có Chính phủ tự chủ (Self Gouvernement), có nghị viện, có quân đội, có tài chính riêng; ở trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp; Chính phủ Pháp cam kết sẽ thừa nhận những quyết định của cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất ba kỳ (Bắc - Trung - Nam); phía Việt Nam thuận để 15.000 quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam làm nhiệm vụ thay thế quân đội Trung Hoa dân quốc. Số quân Pháp này sẽ phải rút hết sau một thời gian quy định (trong vòng 5 năm, mỗi năm rút 1/5); Mọi xung đột phải đình chỉ, quân đội đôi bên giữ nguyên vị trí để mở đàm phán chính thức”²².

Việc ký kết Hiệp định Sơ bộ là chủ trương sáng suốt, đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương, của Chủ tịch Hồ Chí Minh xét trong tình hình lúc bấy giờ. Ngay trong buổi ký kết Hiệp định, trước phái bộ Pháp và đại diện các nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi không thỏa mãn vì chúng tôi chưa giành hoàn toàn được độc lập, nhưng rồi chúng tôi sẽ giành được độc lập hoàn toàn”²³.

Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 là văn bản pháp lý đầu tiên mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký kết với nước ngoài. Việc ký kết Hiệp định này buộc Pháp, lần đầu tiên, phải công nhận quyền tự do của Việt Nam, một dân tộc trước đó từng là thuộc địa của Pháp. Tuy nhiên, để ký kết Hiệp định, tránh nguy cơ bị nhiều lực lượng nước ngoài tấn công cùng lúc và thể hiện thiện chí hòa bình, Việt Nam cũng nhân nhượng cho thực dân Pháp một số điều khoản quan trọng như: chấp nhận cho phép 15.000 quân Pháp ra miền Bắc thay thế quân đội Trung Hoa dân quốc; chấp nhận Việt Nam là quốc gia tự do⁴, có Chính phủ, Nghị viện, quân đội và tài chính riêng trong Liên bang Đông Dương và

thuộc khối Liên hiệp Pháp. Những nhân nhượng đó càng thể hiện mong muốn hòa bình và quan hệ thân thiện với nước Pháp.

Đề thúc đẩy quá trình hòa bình, ngày 25-4-1946, đoàn Quốc hội Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng - Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội dẫn đầu, sang thăm Pháp. Chuyến thăm này mở ra khả năng tiếp xúc chính thức với chính giới, các đảng phái, các tầng lớp xã hội Pháp; góp phần làm cho dư luận Pháp hiểu rõ hơn tình hình Việt Nam và quan hệ Việt - Pháp...

Tiếp đó, ngày 31-5-1946, nhận lời mời chính thức của Chính phủ Pháp, với tư cách là khách mời của Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường sang thăm Pháp, với mong muốn hòa bình và hợp tác giữa hai nước. Trong những ngày ở thăm Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên gặp gỡ, nói chuyện với đại diện các chính đảng và các đoàn thể chính trị lớn của nước Pháp, với đông đảo đồng bào Việt Nam tại Pháp, với những nhân vật có vị trí quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của Pháp. Người cũng đã gặp gỡ với các tổ chức quần chúng quốc tế, nhiều nhà hoạt động chính trị, xã hội châu Âu, châu Á, châu Phi, tiếp xúc với các đại diện quân sự và ngoại giao của các nước lớn như Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc để làm rõ tình hình Việt Nam và Đông Dương, lập trường và mong muốn hòa bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam,... Những hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho chính giới Pháp, nhân dân Pháp và dư luận quốc tế chú ý và hiểu rõ khát vọng độc lập, tự do, quyết tâm và ý chí thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam.

Hội nghị Fontainebleau thất bại, nguy cơ chiến tranh đến gần. Trước tình hình đó, để có thêm thời gian cho mọi công việc chuẩn bị, xây dựng lực lượng kháng chiến và để nhân dân Pháp, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới hiểu rõ thiện chí

mong muốn hòa bình của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Mutê, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, bản Thỏa hiệp tạm thời (Modus vivendi) thường được gọi là Tạm ước ngày 14-9-1946. Bản Tạm ước là bước nhân nhượng cuối cùng của Đảng và Nhà nước Việt Nam để cứu vãn hòa bình.

2. Pháp không từ bỏ âm mưu muốn quay lại xâm lược Việt Nam

Đêm ngày 22, rạng sáng ngày 23-9-1945, quân đội Pháp được Anh hỗ trợ đã nổ súng đánh chiếm trụ sở UBND Nam Bộ, Sở Cảnh sát, Trại Cộng hòa vệ binh, cơ quan Quốc gia tự vệ cuộc, nhà Ngân hàng, Khám Lớn, Sở Bưu điện... khởi đầu cuộc xâm lược Đông Dương lần thứ hai. Đây là hành động quân sự đơn phương, vi phạm trắng trợn chủ quyền quốc gia Việt Nam. Tiếp đó, Pháp liên tục mở chiến dịch đánh Phan Rang, Nha Trang, Quy Nhơn, Đà Nẵng... với mục tiêu tái lập ách cai trị cũ. Đây là chuỗi hành động gây chiến có kế hoạch, được chỉ huy bởi Tướng Leclerc và bộ chỉ huy Pháp tại Đông Dương.

Mặc dù Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, ghi rõ một trong hai bên ký là “Ông Sainteny, đại diện Cao ủy Pháp, được ủy quyền một cách hợp thức bởi Đô đốc d’Argenlieu, Cao ủy Pháp, người chấp chương các quyền hành của nước Cộng hòa Pháp”⁵, nhưng ngay sau đó, Cao ủy d’Argenlieu tuyên bố một cách trá trờ: “Hiệp định... bị hạn chế trong không gian. Nó có tính chất địa phương. Nó được ký bởi ủy viên Cộng hòa Pháp ở Bắc Bộ với chính phủ trên thực tế của An Nam đóng ở Hà Nội. Cho đến nay, quyền lực trên thực tế của chính phủ ấy chỉ được thực thi ở phía bắc vĩ tuyến 16 (tức từ Đà Nẵng trở ra). Và lại, về mặt pháp lý, quyền lực đó chỉ có tính chất tạm thời ở Trung Bộ. Và như vậy, hiệp định không có hiệu lực ở Nam Bộ vì Nam Bộ đã bị Pháp chiếm đóng và tách khỏi lãnh thổ Việt Nam!”⁶.

Trái ngược với thái độ thiện chí và việc thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Sơ bộ của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau khi ra miền Bắc, quân đội Pháp càng lấn tới, liên tiếp gây hấn, vi phạm Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946. Ngày 27-3-1946, thực dân Pháp cho quân đội ngang nhiên chiếm đóng Sở Tài chính Trung ương, hạ cờ đỏ sao vàng; xe thiết giáp của quân Pháp có lắp súng liên thanh “điều võ dương oai” ở một số đường phố Hà Nội...

Hội nghị trù bị Đà Lạt diễn ra từ ngày 19-4 đến ngày 11-5-1946. Trong hơn ba tuần lễ đàm phán, giữa phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phái đoàn Pháp đã diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt. Phía Pháp vẫn ngoan cố giữ lập trường chia cắt nước Việt Nam, cố tình né tránh thảo luận vấn đề Nam Bộ. Các đại biểu Việt Nam cực lực phản đối, đòi phía Pháp phải ưu tiên thảo luận về vấn đề Nam Bộ, đòi chấm dứt các cuộc xung đột.

Trong lúc Hội nghị trù bị Đà Lạt đang diễn ra, thực dân Pháp đưa hạm đội vào Vịnh Bắc Bộ. Còn tại Hà Nội, được sự hậu thuẫn của quân đội Trung Hoa dân quốc, các phần tử Việt Quốc, Việt Cách gây rối ở một số nơi.

Do thực dân Pháp không thực tâm đàm phán và cố tình phá hoại nên Hội nghị trù bị Đà Lạt không đi tới một thỏa thuận nào.

Tiếp đó, từ tháng 7 đến tháng 9-1946, trong quá trình đàm phán tại Hội nghị Fontainebleau, phía Pháp hoàn toàn không muốn công nhận độc lập của Việt Nam, tìm cách áp đặt “Liên bang Đông Dương” và sự lệ thuộc vào “Liên hiệp Pháp”.

Trong khi Hội nghị Fontainebleau đang diễn ra, ngày 1-8-1946, thực dân Pháp ở Đông Dương triệu tập “Hội nghị trù bị và nghiên cứu quy chế của Liên bang” tại Đà Lạt, thành phần tham dự gồm đại diện tay sai của Pháp ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Lào, Campuchia. Bằng việc triệu tập Hội nghị này, thực dân Pháp âm mưu đặt Hội nghị Fontainebleau trước sự đã rồi.

Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Fontainebleau đã cực lực phản đối việc triệu tập “Hội nghị trù bị và nghiên cứu quy chế của Liên bang” tại Đà Lạt và tuyên bố đình chỉ đàm phán cho tới khi Chính phủ Pháp chịu đàm phán nghiêm túc. Cuộc đàm phán Việt - Pháp phải tạm dừng do hai bên vẫn cách xa nhau về cách tiếp cận và những nội dung của một số vấn đề cơ bản, như: vấn đề Liên hiệp Pháp, vấn đề Liên bang Đông Dương, vấn đề Nam Bộ. Do thái độ ngoan cố và lập trường thực dân hiếu chiến của phái đoàn Pháp, Hội nghị Fontainebleau không đạt kết quả. Ngày 13-9-1946, phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra một bản tuyên bố, sau đó về nước.

Để cứu vãn hòa bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Pháp bản Tạm ước ngày 14-9-1946. Mặc dù Việt Nam đã nhân nhượng nhưng thực dân Pháp ngày càng lấn tới. Ngày 20-11-1946, Valluy, Quyền Cao ủy Pháp, ra lệnh cho quân Pháp tấn công Hải Phòng; lấy cớ tìm hài cốt lính Pháp (bị Nhật giết hồi tháng 3-1945), kéo quân lên chiếm các cao điểm quanh thị xã Lạng Sơn. Ngay sau khi những cuộc xung đột xảy ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã liên hệ với Chính phủ Pháp nhằm tìm một cơ hội cho hòa bình, nhưng những cố gắng cuối cùng để vãn hồi hòa bình đó không có kết quả.

Ngày 16-12-1946, Bộ Chỉ huy Pháp họp ở Hải Phòng, thông qua kế hoạch mở rộng đánh chiếm Thủ đô Hà Nội và các tỉnh từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra, với mưu đồ “thúc ép Việt Minh đến mức độ làm cho họ mất hết cả kiên nhẫn, lao vào một hành động bạo lực và như vậy cung cấp cho chúng ta cái duyên cớ đang mong muốn”⁷⁷.

Tiếp đó, thực dân Pháp liên tiếp gây các hành động khiêu khích, tấn công bộ đội và tàn sát dân thường, điển hình là các vụ ở phố Lò Đúc, Hàng Bún, Yên Ninh (Hà Nội) ngày 17-12-1946.

Ngày 18-12, quân Pháp gửi tới hậu thư đòi chiếm đóng một số nơi như Sở Tài chính, đòi ta

phá bỏ công sự, chường ngại vật trên đường phố, đòi đảm nhận vai trò giữ trật tự, an ninh,... Tới hậu thư còn xác định rõ ngày 20-12 là ngày quân Pháp sẽ hành động nếu ta không đáp ứng các đòi hỏi của chúng.

Trước hành động gây hấn của Pháp, dân tộc Việt Nam buộc phải chiến đấu bảo vệ nền độc lập non trẻ. Đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến”. Người vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, đồng thời khẳng định ý chí của dân tộc: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta”⁷⁸.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Hồ Chí Minh nhiều lần gửi thư cho Chính phủ, Quốc hội Pháp mong muốn chấm dứt chiến sự, nối lại đàm phán nhưng phía Pháp không đáp lại. Chính phủ Pháp đã lao sâu vào cuộc chiến tranh mà chính người Pháp gọi là chiến tranh phi nghĩa, “chiến tranh bẩn thỉu”. Vì quyền lợi thiêng liêng tối cao của dân tộc, nhân dân Việt Nam đứng lên kháng chiến.

3. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc kháng chiến chính nghĩa bảo vệ nền độc lập dân tộc

Trước những hành động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Việt Nam chủ động nổ súng trước là hành động tự vệ, không phải tấn công. Hiến chương Liên Hợp quốc (1945) xác lập quyền dân tộc tự quyết và quyền của mỗi quốc gia trong việc chống lại xâm lược. Là một quốc gia độc lập từ ngày 2-9-1945, Việt Nam có đầy đủ quyền bảo vệ chủ quyền lãnh thổ; chống lại hành vi xâm lược vũ trang.

“Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19-12-1946 thể hiện rõ quan điểm: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng

ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!”⁹. Điều đó khẳng định: Việt Nam không khởi chiến, Việt Nam bị buộc phải đứng lên tự vệ. Quan điểm này cũng được các học giả Joseph Buttinger khẳng định trong cuốn *Vietnam: A Dragon Embattled* (Nxb Praeger, New York, 1967): Không thể nói Việt Minh gây ra chiến tranh. Chính nước Pháp đã quyết định sử dụng lực lượng vũ trang để tái lập quyền lực thuộc địa. Trong *Paris - Saigon - Hanoi*, Philippe Devillers cũng chỉ ra thủ phạm gây chiến không phải là phía Việt Nam, mà là “bộ ba d’Argenlieu - Valluy - Pignon” với nhiệm vụ “phải nhanh chóng gây ra đổ vỡ để đổ trách nhiệm cho Việt Minh”¹⁰. Họ tìm cách quấy rối để Việt Minh mất kiên nhẫn, sử dụng bạo lực và cung cấp cho Pháp một cái cớ hợp lý để chính thức phát động chiến tranh.

Việc các thế lực thù địch xuyên tạc cho rằng Việt Nam “hiếu chiến”, “nổ súng trước” trong kháng chiến chống thực dân Pháp là những luận điệu sai trái, phi lịch sử, thiếu cơ sở khoa học. Những chứng cứ lịch sử khách quan và thực tế lịch sử đã khẳng định: Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt Nam kiên trì đường lối hòa bình, nhượng bộ tối đa sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 để tránh xung đột. Chính thực dân Pháp là phía chủ động gây hấn, bắt đầu đánh chiếm Nam Bộ từ ngày 23-9-1945, mở rộng quy mô vào năm 1946 và liên tiếp vi phạm các hiệp định đã ký. Sự kiện ngày 19-12-1946, tiếng súng mở đầu toàn quốc kháng chiến của quân và dân ta là để bảo vệ chủ quyền, bảo vệ nền độc lập dân tộc, hoàn toàn phù hợp với quyền dân tộc tự quyết theo Hiến chương Liên Hợp quốc. Nhân dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình, chỉ chiến đấu khi độc lập - chủ quyền bị đe dọa.

Đấu tranh bảo vệ sự thật lịch sử về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), đồng thời là bảo vệ những giá trị bền vững đã làm nên

sức mạnh của cách mạng Việt Nam: tinh thần yêu nước, ý chí độc lập, khát vọng hòa bình gắn liền với quyết tâm chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Việc làm sáng tỏ bản chất hòa hiếu nhưng kiên quyết đấu tranh giữ vững độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam trong lịch sử không chỉ góp phần củng cố nhận thức đúng đắn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, khẳng định hình ảnh Việt Nam là một quốc gia yêu chuộng hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế.

Bảo vệ sự thật lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chính là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ giá trị chính nghĩa của cách mạng Việt Nam và bảo vệ niềm tin của nhân dân vào lịch sử dân tộc. Đây là nhiệm vụ lâu dài, thường xuyên, vừa mang tính khoa học, vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQGST, H, 2011, T.11, tr. 269
2. Dẫn theo: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1 (1930-1954) quyển 2 (1945-1954)*, Nxb CTQGST, H, 2018, tr. 72
3. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb CTQGST, H, 2018, tr. 414
4. Trước đó chúng ta đấu tranh yêu cầu Pháp phải công nhận Việt Nam là một nước độc lập
5. <https://daibieunhandan.vn/philippe-devillers-va-quang-doi-viet-nam-10193545.html>, ngày đăng 2-9-2016
6. <https://daibieunhandan.vn/philippe-devillers-va-quang-doi-viet-nam-10193545.html>, ngày đăng 2-9-2016
7. Philip Đòville: *Pari - Sài Gòn - Hà Nội*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 403
- 8, 9. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 534, 534
10. Dẫn theo <https://daibieunhandan.vn/philippe-devillers-va-quang-doi-viet-nam-10193545.html>.